

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 36/2009/TT-
BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản

Căn cứ Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28/11/2008 của Chính phủ v/v sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi (sau đây gọi tắt là thủy sản).
- Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là chủ cơ sở) có hoạt động sản xuất, kinh doanh và vận chuyển thủy sản; các cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý công tác thú y thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Các thuật ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

- Cơ sở nuôi là nơi nuôi, giữ động vật thủy sản bao gồm một hoặc nhiều ao, đầm, hồ, lồng, bè, giai (giè), đăng, chắn và các hình thức nuôi khác có chung hệ thống cấp thoát nước, tương đối giống nhau về môi trường sinh thái, do một tổ chức hoặc cá nhân làm chủ.
- Ổ dịch là cơ sở nuôi đang có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của thủy sản thuộc Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch.
- Vùng dịch là vùng có trên 10% diện tích của vùng nuôi bị bệnh thuộc Danh mục các bệnh thủy sản phải công bố dịch.

4. Thủy sản nghi nhiễm bệnh là thủy sản dễ nhiễm bệnh và đã tiếp xúc hoặc ở gần thủy sản mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh.
5. Thủy sản nhiễm bệnh là thủy sản có biểu hiện khác thường nhưng chưa có triệu chứng của bệnh.
6. Thủy sản nghi mắc bệnh là thủy sản có triệu chứng, bệnh tích của bệnh nhưng chưa rõ, chưa xác định được mầm bệnh hoặc thủy sản ở trong vùng dịch và có biểu hiện không bình thường .
7. Thủy sản mắc bệnh là thủy sản nhiễm bệnh và có triệu chứng, bệnh tích điển hình của bệnh đó hoặc đã xác định được mầm bệnh.
8. Tác nhân gây bệnh là các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm và ký sinh trùng gây bệnh cho thủy sản.

Điều 3. Chế độ báo cáo bệnh, dịch bệnh thủy sản

1. Mỗi huyện/trạm thú y huyện có hoạt động nuôi trồng thủy sản phải có ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm về công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản, chịu trách nhiệm tổng hợp và báo cáo tình hình dịch bệnh thủy sản trên địa bàn. Thông báo tới các hộ nuôi thủy sản, các cơ quan cấp trên địa chỉ liên lạc (điện thoại, fax hoặc email) của trạm hoặc cán bộ phụ trách để liên lạc khi cần thiết. Các cán bộ được phân công phải thực hiện việc báo cáo định kỳ tình hình dịch bệnh thủy sản vào thứ 5 hàng tuần cho Chi cục Thú y tỉnh.
2. Chi cục Thú y tỉnh là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm về công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản trên phạm vi tỉnh/thành phố, chịu trách nhiệm tổng hợp và báo cáo định kỳ tình hình bệnh, dịch bệnh thủy sản vào trước 10h sáng thứ 6 hàng tuần cho Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y.
3. Cơ quan Thú y vùng có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá tình hình dịch bệnh thủy sản trong phạm vi vùng và báo cáo về Cục Thú y vào ngày thứ 5 tuần thứ 4 hàng tháng.
4. Khi có dịch bệnh, các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo ngày hoặc theo yêu cầu của Cục Thú y.

Chương II

PHÒNG BỆNH

Điều 4. Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản

Vào tháng 10 hàng năm, Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y) chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tổng kết đánh giá tình hình dịch bệnh thủy sản tại các cơ sở nuôi trong năm và lập kế hoạch cho năm tới theo các bước sau:

1. Phân tích kết quả giám sát dịch bệnh thủy sản của năm trước và tổ chức điều tra bổ sung ở các cơ sở nuôi thủy sản phục vụ cho việc lập kế hoạch cho năm tới.
2. Tổng hợp và đánh giá các thông tin nhằm xác định mức độ nguy cơ về phát sinh, lây lan dịch bệnh thủy sản trong phạm vi một xã và giữa các xã trong tỉnh/thành phố.
3. Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh tại các vùng nuôi theo mức độ nguy cơ trên phạm vi tỉnh/thành phố.
4. Gửi kế hoạch phòng chống dịch bệnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố phê duyệt cho Cục Thú y để giám sát, chỉ đạo.
5. Triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh đã được phê duyệt tới các huyện/thị xã, xã/thị trấn.

Trong trường hợp có diễn biến dịch bệnh bất thường, cần thay đổi kế hoạch cho phù hợp, Chi cục Thú y tổng hợp tình hình báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT trình UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và báo cáo Cục Thú y.

Điều 5. Nội dung phòng bệnh thủy sản

1. Tuyên truyền về phòng bệnh thủy sản

- a) Việc tuyên truyền về phòng bệnh thủy sản đảm bảo được triển khai thường xuyên tới cộng đồng và từng hộ nuôi trước các vụ nuôi;
- b) Nội dung, chương trình truyền thông về phòng chống dịch bệnh thủy sản do Cục Thú y xây dựng và hướng dẫn Chi cục Thú y tổ chức triển khai thực hiện ở địa phương;
- c) Hình thức tuyên truyền ở từng cấp do cơ quan quản lý cấp đó lựa chọn nhưng phải đảm bảo nội dung tuyên truyền tới cộng đồng và hộ nuôi thủy sản chính xác và hiệu quả nhất.

2. Chủ động giám sát, phát hiện sớm dịch bệnh

Chi cục Thú y tỉnh thực hiện:

- a) Chỉ đạo cán bộ thú y huyện, xã và phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện việc lấy mẫu thủy sản xét nghiệm định kỳ và kiểm tra các chỉ tiêu môi trường;
- b) Đối với các chỉ tiêu môi trường được kiểm tra tại hiện trường, cán bộ thú y thực hiện việc ghi chép vào biểu mẫu theo hướng dẫn của Cục Thú y ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra. Biểu mẫu ghi chép này được chuyển về Chi cục Thú y tỉnh lưu trữ sau khi kết thúc đợt kiểm tra, lấy mẫu;
- c) Đối với các chỉ tiêu môi trường nước và bệnh không kiểm tra được tại hiện trường, cán bộ thú y tiến hành lấy mẫu, bảo quản và gửi về Chi cục Thú y tỉnh để phân tích, xét nghiệm. Đối với các chỉ tiêu vượt quá năng lực, Chi cục Thú y gửi mẫu tới các phòng xét nghiệm được chỉ định khác;
- d) Các phòng xét nghiệm ưu tiên xét nghiệm mẫu từ vùng dịch. Thời gian trả lời kết quả không được chậm hơn so với thời gian mà phòng xét nghiệm đã công bố;
- đ) Ngay sau khi nhận được kết quả phân tích, xét nghiệm, Chi cục Thú y tỉnh thông báo kết quả kèm theo hướng dẫn cụ thể các biện pháp phòng chống dịch bệnh thủy sản (nếu cần) tới chủ cơ sở và Cơ quan Thú y vùng.

3. Vệ sinh phòng bệnh

Chủ cơ sở nuôi phải thực hiện:

- a) Tuân thủ mùa vụ thả nuôi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thủy sản địa phương;
- b) Phòng bệnh cho thủy sản trong toàn bộ quá trình nuôi bắt đầu từ việc tẩy dọn ao đầm cho đến khi thu hoạch theo đúng hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền;
- c) Tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật trong việc chuẩn bị ao nuôi, quản lý chất lượng nước và chăm sóc sức khỏe thủy sản đảm bảo hạn chế tối đa mầm bệnh và giảm thiểu các chất độc hại cho thủy sản nuôi. Chỉ được phép sử dụng thức ăn, chế phẩm sinh học, kháng sinh, hóa chất nằm trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp & PTNT công bố, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y;
- d) Thiết kế hệ thống nuôi thủy sản và áp dụng các biện pháp kỹ thuật theo các hướng dẫn về phòng chống dịch bệnh và kỹ thuật nuôi của cơ quan chức năng, đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất trong phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường;